

第50回 東北総合体育大会 フェンシング競技

成年男子フルーレ

	県名	No.	1		2		3		4		5		6		VE	Vi	TDi	TRi	TDi-TRi	PL
1	福島県	1			1	1		1		V 2		1		1	6	45	59	-14	5	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			8	14	12	13	5	14	11	5	9	13								
2	青森県	2	V 2				V 2		0		V 3		V 3		4	10	67	51	16	2
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			14	8	14	10	9	15	15	10	15	8								
3	秋田県	3	V 2		1			0		V 3		V 2		3	8	58	56	2	3	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			13	12	10	14	9	15	15	3	11	12								
4	宮城県	4	V 2		V 3		V 3				V 2		V 3		5	13	73	35	38	1
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			14	5	15	9	15	9	14	6	15	6								
5	岩手県	5	1	0	0		1				0		0	2	31	70	-39	6		
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			5	11	10	15	3	15	6	14	7	15								
6	山形県	6	V 2		0	1		0		V 3				2	6	54	57	-3	4	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			13	9	8	15	12	11	6	15	15	7								

技術委員会署名

第50回 東北総合体育大会 フェンシング競技

成年男子サーブル

	県名	No.	1		2		3		4		5		6		VE	Vi	TDi	TRi	TDi-TRi	PL
1	山形県	1			V 3		0		V 2		1		0		2	6	53	60	-7	3
			TD	TR	TD	TR														
			15	8	11	15	12	9	11	13	4	15								
2	福島県	2	0				0		V 2		V 2		0		2	4	41	64	-23	4
			TD	TR			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR						
			8	15			8	15	11	9	10	10	4	15						
3	岩手県	3	V 3		V 3				V 3		V 3		1		4	13	69	41	28	2
			TD	TR	TD	TR			TD	TR	TD	TR	TD	TR						
			15	11	15	8			15	6	15	5	9	11						
4	秋田県	4	1		1		0				V 2		0		1	4	39	61	-22	5
			TD	TR	TD	TR	TD	TR			TD	TR	TD	TR						
			9	12	9	11	6	15			10	8	5	15						
5	宮城県	5	V 2		1		0		1				0		1	4	39	61	-22	5
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR			TD	TR						
			13	11	10	10	5	15	8	10			3	15						
6	青森県	6	V 3		V 3		V 2		V 3		V 3				5	14	71	25	46	1
			TD	TR																
			15	4	15	4	11	9	15	5	15	3								

技術委員会署名

東北総体記録連絡票(様式C) ~1日の送信終了時~

令和5年 8 月 19 日(第 1 日目)

No. 23

確定

※用紙サイズ:A4縦

競 技 名	フェンシング	競 技
発 信 者 名	岩手県フェンシング協会	
競 技 終 了 時 刻	15 時 30 分	
	○本日送信終了 全競技送信終了 (どちらかに○)	
本日の競技記録 特記事項 日本新(タイ)記録 大会新(タイ)記録等 優勝回数、連続回数、 何年ぶり何回目等 (その他)	成年男子・女子フルーレは終了 成年男子サーブルと成年女子エペ及び少年男女の残りの試合は明日。	
本日の国体出場決定 有無	有 ・ 無 ※「有」の場合は、様式Dを作成し、提出すること。	
夜 間 連 絡 責 任 者	連絡可能時間 時～ 時	
	責任者 氏名	
	連絡場所 (自宅 ・ 宿泊先 ・ その他)	
	TEL	携帯電話
そ の 他 の 記 録 本 部 へ の 連 絡 事 項		

(県記録本部で記入)

受信係	点検係	総務・記録係

第50回 東北総合体育大会 フェンシング競技

成年男子フルーレ

	県名	No.	1		2		3		4		5		6		VE	Vi	TDi	TRi	TDi-TRi	PL
1	福島県	1			1	1		1		V 2		1		1	6	45	59	-14	5	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			8	14	12	13	5	14	11	5	9	13								
2	青森県	2	V 2				V 2		0		V 3		V 3		4	10	67	51	16	2
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			14	8	14	10	9	15	15	10	15	8								
3	秋田県	3	V 2		1			0		V 3		V 2		3	8	58	56	2	3	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			13	12	10	14	9	15	15	3	11	12								
4	宮城県	4	V 2		V 3		V 3				V 2		V 3		5	13	73	35	38	1
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			14	5	15	9	15	9	14	6	15	6								
5	岩手県	5	1	0	0		1				0		0	2	31	70	-39	6		
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			5	11	10	15	3	15	6	14	7	15								
6	山形県	6	V 2		0	1		0		V 3				2	6	54	57	-3	4	
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
			13	9	8	15	12	11	6	15	15	7								

技術委員会署名

第50回 東北総合体育大会 フェンシング競技

成年男子サーブル

	県名	No.	1		2		3		4		5		6		VE	Vi	TDi	TRi	TDi-TRi	PL
1	山形県	1			V 3		0		V 2						2	5	38	32	6	3
			TD	TR	TD	TR														
			15	8	11	15	12	9												
2	福島県	2	0				0				V 2				1	2	26	40	-14	5
			TD	TR			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR						
			8	15			8	15			10	10								
3	岩手県	3	V 3		V 3								1		2	7	39	30	9	2
			TD	TR	TD	TR			TD	TR	TD	TR	TD	TR						
			15	11	15	8							9	11						
4	秋田県	4	1								V 2		0		1	3	24	35	-11	4
			TD	TR	TD	TR	TD	TR			TD	TR	TD	TR						
			9	12							10	8	5	15						
5	宮城県	5			1				1				0		0	2	21	35	-14	6
			TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR			TD	TR						
					10	10			8	10			3	15						
6	青森県	6					V 2		V 3		V 3				3	8	41	17	24	1
			TD	TR																
							11	9	15	5	15	3								

技術委員会署名
